

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11932 /UBND-KT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi,
bổ sung Thông tư thu phí trong lĩnh
vực đo đạc và bản đồ

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 13082/BTC-CST ngày 24/10/2018 của Bộ Tài chính về xin ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư thu phí trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ (văn bản điện tử gửi đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh có ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ và Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo nội dung tại Văn bản số 13082/BTC-CST ngày 24/10/2018 của Bộ Tài chính.

Công việc hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/11/2018, đồng gửi bản mềm theo địa chỉ email: ntminhphuong.kt@gmail.com./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh -Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.
mphuong.kt

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **13082/BTC-CST**Hà Nội, ngày **24** tháng 10 năm 2018

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi,
bổ sung Thông tư thu phí trong lĩnh vực
đo đạc và bản đồ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

ĐẾN	Số: 5833A
	Ngày: 29/10/18
Chuyển:	

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

HỎA-TỐC

Bộ Tài nguyên và Môi trường có công văn số 5481/BTNMT-TC ngày 05/10/2018 đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư thu phí lĩnh vực đo đạc và bản đồ (*bản photocopy gửi kèm*). Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung 02 Thông tư của Bộ Tài chính (Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ và Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ).

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung 02 Thông tư nêu trên (*dự thảo gửi kèm*).

Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu có ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư.

Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể hơn về cơ chế thu (phí hay giá dịch vụ) đối với hoạt động khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ (tại điểm 10 mục IX Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí quy định *phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ*). Trong khi đó, Luật đo đạc và bản đồ quy định *tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải trả chi phí*).

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày **15/11/2018**.

Cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Vũ Thị Mai**

Số: /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ và Thông tư số 34/2017 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 45¹/2015-8² /NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015-8 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ và Thông tư số 34/2017 ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

“1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc danh mục quy định tại Điều 40- Nghị định số 45 /2015-8 /NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015-8 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ phải nộp phí thẩm

¹ Chữ bị gạch ngang: Là nội dung bị sửa đổi.

² Chữ nghiêng, đậm: Là nội dung bổ sung

định theo quy định tại Thông tư này và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau³:

"1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ ~~do nhà nước quản lý thuộc tài sản công~~ tại: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ và Chi cục Đo đạc, và Bản đồ và **Thông tin địa lý** phía Nam thuộc Cục Đo đạc, và Bản đồ và **Thông tin địa lý** Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

"1. Tổ chức thu phí gồm: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ, Chi cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý phía Nam trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Mức thu, miễn, giảm phí

1. Mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này. ***Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công cho mục đích quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, mức thu phí bằng 60% mức phí tương ứng tại Biểu mức phí ban hành kèm theo Thông tư này.***

2. ***Miễn phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công cho mục đích quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai trong trường hợp tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.***

Điều 3. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018. Bãi

³ Khoản 1 và khoản 2 được quy định tại Điều 4 Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

bỏ Điều 4 Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai

**BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG
THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**
(kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số tt	Loại tư-thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
5	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	900.000	* Bỏ khỏi danh mục thu phí vì bản đồ hành chính in trên giấy là sản phẩm, không phải là thông tin, dữ liệu
6	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	300.000	
7	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	150.000	
II	Bản đồ số dạng Vector			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo 7 6 lớp thông tin thì mức thu phí cho từng lớp như sau: a) Các nhóm lớp thông tin dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy hệ văn: thu bằng 1/7 6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các nhóm lớp thông tin dữ liệu: cơ sở toán học, địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/7 6 mức thu theo mảnh
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	mảnh	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính tỉnh	mảnh	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	mảnh	1.000.000	
III	Bản đồ số dạng Raster	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		
IV	Dữ liệu phim ảnh chụp từ máy bay ảnh			

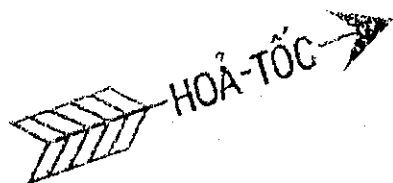
Số tt	Loại tr thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
	<i>hàng không</i>			
1	File chụp Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Phim Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 μ m	file	250.000	
3	Phim Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 μ m	file	200.000	
4	Phim Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 μ m	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:2.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:5.000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:10.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:50.000	mảnh	70.000	
V	<i>Giá trị điểm tọa độ Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia</i>			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	
4	Hạng III, hạng IV	điểm	200.000	<i>Áp dụng cả cho các điểm địa chính cơ sở</i>
5	Địa chính cơ sở	điểm	200.000	
VI	<i>Giá trị điểm độ cao Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia</i>			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	
3	Hạng III	điểm	120.000	
4	Hạng IV	điểm	110.000	
VII	<i>Giá trị điểm trọng lực Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia</i>			
1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
2	Điểm Hạng I	điểm	160.000	
3	Điểm tựa <i>Hạng II</i>	điểm	140.000	
4	Điểm chi tiết	điểm	80.000	
VIII	<i>Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia</i>	tờ	20.000	
IX	<i>Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia</i>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý <i>quốc gia</i> tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<i>1. Nếu chọn lọc nội dung theo 7 lớp thông tin dữ liệu thành phần thì mức thu phí cho từng</i>
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý <i>quốc gia</i> tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý <i>quốc gia</i> tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	

Số tt	Loại tin thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	lớp như sau: a) Các lớp thông tin dữ liệu : địa hình; dân cư; giao thông; thủy hệ văn : thu bằng 1/7 6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các lớp thông tin dữ liệu : cơ sở toán học, địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật lớp phủ bề mặt : thu bằng 1/7 6 mức thu theo mảnh.
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	2. Nếu bản đồ số được kết xuất từ cơ sở dữ liệu và đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu thì không thu phí sử dụng bản đồ.
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét: - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000 - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000	mảnh mảnh	2.550.000 640.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	
11	Cơ sở dữ liệu địa danh	địa danh	20.000	

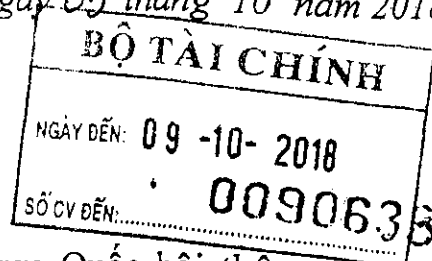
Số: 5481/BTNMT-KHTC

V/v sửa đổi, bổ sung thông tư thu phí lĩnh vực đo
đạc và bản đồ

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018



Kính gửi: Bộ Tài chính



Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; theo đó một số nội dung liên quan đến việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ sẽ thay đổi. Để đảm bảo việc thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ và phí thẩm định các hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được liên tục. Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ (sau đây viết tắt Thông tư số 196/2016/TT-BTC) và Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (sau đây viết tắt Thông tư số 34/2017/TT-BTC), cụ thể như sau:

I. Đối với Thông tư số 196/2016/TT-BTC:**1. Tình hình thực hiện thu phí:**

STT	Năm thực hiện	Số phí thực thu	Trong đó:	
			60% để lại (đồng)	40% nộp NSNN (đồng)
1	2016	6.855.957.280	4.113.574.368	2.742.382.912
2	2017	8.461.117.899	5.076.670.739	3.384.447.160
Tổng cộng		15.317.075.179	9.190.245.107	6.126.830.072

2. Tình hình sử dụng tiền thu phí được giữ lại tại đơn vị thu phí:

Số TT	Năm thực hiện	Kinh phí năm trước chuyển sang (đồng)	60% số thu được để lại chi tại đơn vị (đồng)	Số kinh phí sử dụng và quyết toán (đồng)	Kinh phí chuyển năm sau sử dụng (đồng)
1	2016	7.224.275.133	4.113.574.368	5.445.912.580	5.891.936.921
2	2017	5.891.936.921	5.076.670.739	8.645.641.448	2.322.966.212

Đối với số kinh phí còn lại hết thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 chuyển sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ “Tổ chức và tin học hóa kho lưu trữ” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, trong đó: nguồn ngân sách nhà nước 50% và từ nguồn phí được để lại tại đơn vị 50%.

3. Những thuận lợi trong quá trình thực hiện:

- Tạo nguồn thu cho đơn vị, tăng thu ngân sách, góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước. Thu hồi một phần kinh phí do Ngân sách Nhà nước đầu tư để tiếp tục phát triển, sản xuất và duy trì được Hệ thống quản lý và cung cấp tư liệu đo đạc và bản đồ;

- Cơ chế quản lý, thu, nộp phí, lệ phí đã tạo sự chủ động, tự chủ về kinh phí cho đơn vị trong việc quản lý thu, nộp và sử dụng phí;

- Thực hiện xã hội hóa trong việc quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ bản đồ.

4. Về khó khăn, vướng mắc:

- Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, khi đó Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ là căn cứ pháp lý của Thông tư số 196/2016/TT-BTC sẽ hết hiệu lực;

- Tại khoản 5, Điều 41¹ Luật đo đạc và bản đồ quy định “...tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công thì phải trả chi phí theo quy định của pháp luật; trường hợp phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai thì được miễn, giảm theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định tại Thông tư số 196/2016/TT-BTC.

5. Đề xuất sửa đổi Thông tư:

- Về tên gọi: “Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ”: thêm dấu phẩy giữa cụm từ “thông tin” và “dữ liệu” để phù hợp với Luật đo đạc và bản đồ;

- Về căn cứ pháp lý: Bổ sung căn cứ pháp lý Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật

hướng dẫn thi hành thay thế Nghị định 45/2015/NĐ-CP hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018;

- Bổ sung quy định về miễn và giảm phí:

+ Miễn phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công cho mục đích quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai trong trường hợp tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

+ Giảm 40% mức phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ quy định tại biểu mức phí ban hành kèm theo Thông tư này khi có văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công cho mục đích quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai.

- Về danh mục “Biểu mức thu” phí:

+ Đối với bản đồ dạng vector: Trường hợp thu phí theo từng lớp thông tin Dự thảo bỏ quy định thu phí đối với lớp “cơ sở toán học” vì lớp này chỉ chứa các thông tin về khung bản đồ, lưới chiếu, hệ tọa độ, hệ thống điểm không chế tọa độ, độ cao. Đây là những thông tin chung cần cung cấp cho người dùng kèm theo các lớp thông tin khác để làm cơ sở cho việc sử dụng các lớp thông tin khác, vì vậy không thu phí đối với lớp “cơ sở toán học”;

+ Đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý: Hiện nay công nghệ sản xuất bản đồ đã thay đổi, bản đồ có thể được kết xuất ra từ cơ sở dữ liệu địa lý, trong trường hợp đó chỉ thu phí đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý. Tuy nhiên, hiện nay vẫn sử dụng cả loại bản đồ được sản xuất theo công nghệ cũ, vì vậy vẫn cần phân biệt mức thu phí giữa bản đồ và cơ sở dữ liệu địa lý. Dự thảo đã bổ sung ghi chú: “Nếu bản đồ số được kết xuất từ cơ sở dữ liệu và đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu thì không thu phí sử dụng bản đồ”;

+ Bổ sung quy định thu phí đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/25.000 và 1/100.000 cho phù hợp với quy định của Luật đo đạc và bản đồ về cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ tỷ lệ trung bình. Mức thu phí đề xuất áp dụng như đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 được quy định tại Thông tư 196/2016/TT-BTC vì cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/25.000, 1/50.000 và 1/100.000 cùng một nhóm tỷ lệ trung bình;

+ Bổ sung quy định thu phí đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/250.000 và 1/500.000 cho phù hợp với quy định của Luật đo đạc và bản đồ về cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ tỷ lệ nhỏ. Mức thu phí đề xuất áp dụng như đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/1.000.000 được quy định tại Thông tư 196/2016/TT-BTC vì cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/250.000, 1/500.000 và 1/1.000.000 cùng một nhóm tỷ lệ nhỏ;

+ Đối với cơ sở dữ liệu địa danh: Đề xuất bỏ ra khỏi danh mục thu phí vì danh mục địa danh hiện nay đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành rộng rãi bằng các Thông tư.

II. Đối với Thông tư số 34/2017/TT-BTC:

1. Về tình hình thực hiện năm 2017:

- Số phí thu được: 148.200.000 đồng;
- Số nộp ngân sách (30%): 44.460.000 đồng;
- Số để lại tại đơn vị (70%): 103.740.000 đồng;
- Số kinh phí sử dụng và quyết toán: 16.028.705 đồng;
- Kinh phí chuyển năm sau sử dụng: 87.711.295 đồng. Số kinh phí này do một số hồ sơ đã nộp phí vào thời điểm quý IV năm 2017 nhưng chưa tổ chức thực hiện thẩm định; ngoài ra đối với số kinh phí này đơn vị dự kiến nguồn để thực hiện các nội dung liên quan đến mua sắm công cụ, dụng cụ và tài sản phục vụ hoạt động thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

2. Đề xuất sửa đổi Thông tư: Bổ sung căn cứ pháp lý Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành thay thế Nghị định 45/2015/NĐ-CP hết hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Các nội dung khác không đề xuất sửa đổi, bổ sung;

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Bộ Tài chính xem xét và ban hành Thông tư thay thế theo thẩm quyền.

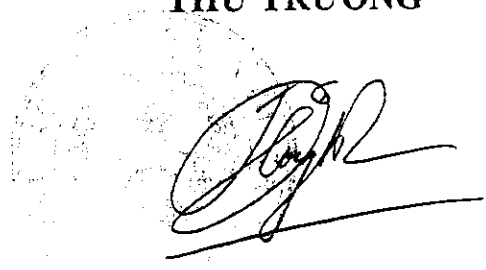
Trân trọng cảm ơn sự phối hợp cộng tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Vụ Chính sách Thuế (BTC);
- Lưu VT, KHTC, Mh.5.

9 4

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa